CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TIẾN INDUSTRIES
AN TIEN INDUSTRIES
JOINT STOCK COMPANY

Số: 2808/2026/TB - HII
No.: 2808/2026/TB - HII

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Lào Cai, ngày 28 tháng 08 năm 2026
Lao Cai, August 28, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/** ***State Securities Commission***
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh/ ***The Hochiminh City Stock Exchange***

I. Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty Cổ phần An Tiến Industries

- Mã chứng khoán/ *Stock code*: HII
- Địa chỉ/*Address*: Khu Công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai
- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 0216 3 853 886 – 0216 3 856 555
- E-mail: info@antienindustries.com

II. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

- Báo cáo tài chính Riêng giữa niên độ năm 2026 (bản tiếng Việt + bản tiếng Anh); *Interim Separate financial statements of 2026 (Vietnamese and English versions);*
- Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ năm 2026 (bản tiếng Việt + bản tiếng Anh); *Interim Consolidated financial statements of 2026 (Vietnamese and English versions);*
- Giải trình chênh lệch LNST tại BCTC giữa niên độ năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025; *Explanation of the difference in net profit after tax in the interim financial statements of 2026 compared to the same period of 2025.*

III. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/08/2026 tại đường dẫn www.antienindustries.com/*This information was published on the company's website on 28/08/2026 (date), as in the link* www.antienindustries.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:
Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/*Documents on disclosed information.*

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người được ủy quyền công bố thông tin

Dương Huy Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Shape the future
with confidence

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 62

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN,S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần An Tiến Industries ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái (hiện nay là Sở Tài chính tỉnh Lào Cai) cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2009 và Giấy Chứng nhận Đầu tư số 7585338884 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2009. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất của Giấy Chứng nhận Đầu tư là lần thứ 6 ngày 24 tháng 3 năm 2022 và của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là lần thứ 18 ngày 13 tháng 8 năm 2025.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và phân phối bột đá CaCO3, hạt nhựa và nhựa phụ gia; bán buôn bán lẻ nguyên vật liệu và các hoạt động khác theo đăng ký.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch
Ông Ngô Văn Thụ	Thành viên
Ông Hoàng Văn Vinh	Thành viên

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Ngô Văn Thụ	Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Diệu Linh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thủy Nga	Thành viên
Bà Đỗ Thảo Quyên	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là ông Ngô Văn Thụ, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần An Tiến Industries ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
AN TIEN INDUSTRIES
MSDN: 5200466372

Ngô Văn Thụ

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future with confidence

Số tham chiếu: 12122747/E-69486125-HN/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần An Tiến Industries

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần An Tiến Industries ("Công ty") và các công ty con được lập ngày 27 tháng 8 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 62 bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES

AN TIEN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2026

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300811802 C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoàng Linh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3835-2026-004-1

A member firm of Ernst & Young Global Limited
CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1.690.656.602.910**	**1.374.337.650.133**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	***110***	***4***	***212.989.636.158***	***198.721.968.451***
1. Tiền	111		100.340.129.309	183.721.968.451
2. Các khoản tương đương tiền	112		112.649.506.849	15.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	***120***		***82.877.945.206***	***100.443.424.657***
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	86.114.392.972	103.665.530.341
2. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		(3.236.447.766)	(3.222.105.684)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	***130***		***1.027.251.347.843***	***614.460.524.380***
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.1	839.548.766.269	456.122.189.288
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6.2	202.795.371.294	168.718.236.853
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	7	11.119.903.179	12.887.554.176
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(26.212.692.899)	(23.267.455.937)
IV. Hàng tồn kho	***140***	***9***	***297.322.238.899***	***398.216.155.592***
1. Hàng tồn kho	141		298.987.218.050	401.259.218.991
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(1.664.979.151)	(3.043.063.399)
V. Tài sản ngắn hạn khác	***160***		***70.215.434.804***	***62.495.577.053***
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		2.825.372.748	2.743.500.878
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162	16	67.390.062.056	59.752.076.175

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**449.460.118.864**	**428.826.549.041**
I. Các khoản phải thu dài hạn	***210***		***708.341.203***	***706.126.921***
1. Phải thu dài hạn khác	215	7	708.341.203	706.126.921
II. Tài sản cố định	***220***		***249.337.352.994***	***255.362.132.144***
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	237.578.939.578	243.264.297.468
Nguyên giá	222		599.161.692.636	585.466.936.363
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(361.582.753.058)	(342.202.638.895)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	11.758.413.416	12.097.834.676
Nguyên giá	228		18.326.894.836	18.326.894.836
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.568.481.420)	(6.229.060.160)
III. Tài sản dở dang dài hạn	***250***		***4.192.217.718***	***3.018.518.518***
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		4.192.217.718	3.018.518.518
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	***260***		***173.522.058.855***	***150.155.111.291***
1. Đầu tư vào công ty liên kết	262	12	153.484.798.581	150.155.111.291
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	5	20.037.260.274	-
V. Tài sản dài hạn khác	***270***		***21.700.148.094***	***19.584.660.167***
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	13	19.293.103.259	17.171.930.964
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	26.3	2.407.044.835	2.412.729.203
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	**280**		**2.140.116.721.774**	**1.803.164.199.174**

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.030.304.020.678**	**904.095.676.799**
I. Nợ ngắn hạn	***310***		***1.015.432.804.486***	***870.365.001.143***
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	387.749.475.976	366.410.518.608
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	86.529.670.457	95.016.085.554
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		172.273.870	251.724.345
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	16	36.233.721.945	22.215.962.399
5. Phải trả người lao động	315		13.126.714.226	9.018.190.109
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	17	4.916.082.961	8.049.357.074
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	18	2.961.310.761	3.051.325.941
8. Vay ngắn hạn	321	19	473.264.335.746	360.344.882.681
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	20.4	10.479.218.544	6.006.954.432
II. Nợ dài hạn	***330***		***14.871.216.192***	***33.730.675.656***
1. Phải trả dài hạn khác	338		255.000.000	255.000.000
2. Vay dài hạn	339	19	14.616.216.192	33.475.675.656
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**1.109.812.701.096**	**899.068.522.375**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	736.630.160.000	736.630.160.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*736.630.160.000*	*736.630.160.000*
2. Thặng dư vốn	412		5.942.220.000	5.942.220.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		3.945.676.342	1.392.219.368
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.568.347.223	12.568.347.223
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.564.926.542	1.564.926.542
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		346.570.710.856	138.823.079.310
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*420a*		*107.394.409.329*	*88.090.374.711*
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*	*420b*		*239.176.301.527*	*50.732.704.599*
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.590.660.133	2.147.569.932
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**2.140.116.721.774**	**1.803.164.199.174**

Phê duyệt, ngày 27 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Nguyễn Thị Thu Nhàn	Nguyễn Thị Thu Nhàn	Ngô Văn Thụ

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21.1	6.256.246.943.748	4.034.227.313.429
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21.1	914.813.409	2.319.608.892
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21.1	6.255.332.130.339	4.031.907.704.537
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	5.565.850.071.868	3.753.817.210.986
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		689.482.058.471	278.090.493.551
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	21.2	12.755.073.235	19.488.618.124
7. Chi phí tài chính	23	23	20.894.259.015	18.208.406.850
- Trong đó: Chi phí đi vay	*24*		*19.178.887.867*	*15.220.784.964*
8. Chi phí bán hàng	25	24	370.834.507.242	183.969.951.359
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	43.193.801.699	38.649.400.776
10. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	27		11.340.455.619	6.150.285.777
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - (23 + 25 + 26) + 27}	30		278.655.019.369	62.901.638.467
12. Thu nhập khác	31		1.192.125.712	2.094.833.699
13. Chi phí khác	32		53.390.619	93.449.954
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.138.735.093	2.001.383.745
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		279.793.754.462	64.903.022.212
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26.1	40.069.125.427	4.189.319.606
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	26.3	5.684.368	381.630.264

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN,S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**239.718.944.667**	**60.332.072.342**
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	**61**		**239.176.301.527**	**54.894.361.686**
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	**62**		**542.643.140**	**5.437.710.656**
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**28**	**3.247**	**625**
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	**28**	**3.247**	**625**

Phê duyệt, ngày 27 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Nguyễn Thị Thu Nhàn	Nguyễn Thị Thu Nhàn	Ngô Văn Thụ

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**01**		**279.793.754.462**	**64.903.022.212**
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình, bất động sản đầu tư và hao mòn TSCĐ vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	02		22.624.034.838	21.026.985.210
- Các khoản dự phòng	03		1.567.152.714	2.616.617.476
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(600.642.969)	(529.086.293)
- Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(16.876.465.158)	(10.482.157.585)
- Chi phí đi vay	06		19.178.887.867	15.220.784.964
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**305.686.721.754**	**92.756.165.984**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(422.173.040.361)	(65.178.085.643)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		102.272.000.941	(17.319.127.063)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		13.702.056.458	50.627.356.130
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(2.311.907.217)	1.121.595.328
- Chi phí đi vay đã trả	14		(18.533.564.643)	(15.232.699.185)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(26.242.075.465)	(2.273.944.016)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.417.054.008)	(2.386.445.081)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(52.016.862.541)**	**42.114.816.454**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(19.170.566.118)	(13.908.047.746)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		652.777.778	92.592.591
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(62.500.000.000)	(30.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		60.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)	25		-	(105.476.160.000)
6. Tiền thu từ chuyển nhượng khoản đầu tư (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)	26		-	40.381.200.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.631.012.582	11.450.716.233
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(8.386.775.758)**	**(97.459.698.922)**

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN,S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.262.745.221.997	1.046.829.770.353
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.168.664.771.458)	(1.097.029.073.036)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.238.355.275)	(22.133.025.455)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**71.842.095.264**	**(72.332.328.138)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**11.438.456.965**	**(127.677.210.606)**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**198.721.968.451**	**281.731.130.349**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		275.753.768	1.174.557.565
Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính từ USD sang VND	62		2.553.456.974	(457.775.163)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61 + 62)	**70**	**4**	**212.989.636.158**	**154.770.702.145**

Phê duyệt, ngày 27 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Nguyễn Thị Thu Nhàn	Nguyễn Thị Thu Nhàn	Ngô Văn Thụ

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES · AN TIEN INDUSTRIES · MSDN: 5200466372

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần An Tiến Industries ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái (hiện nay là Sở Tài chính tỉnh Lào Cai) cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2009 và Giấy Chứng nhận Đầu tư số 7585338884 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2009. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất của Giấy Chứng nhận Đầu tư là lần thứ 6 ngày 24 tháng 3 năm 2022 và của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là lần thứ 18 ngày 13 tháng 8 năm 2025.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và phân phối bột đá CaCO3, hạt nhựa và nhựa phụ gia; bán buôn bán lẻ nguyên vật liệu và các hoạt động khác theo đăng ký.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là: 525 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 494 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 3 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 3 công ty con) với thông tin cụ thể như sau:

STT	*Tên công ty*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Địa chỉ trụ sở chính*	*Hoạt động chính trong kỳ*
1	Công ty Cổ phần An Thành Bicsol ("Công ty An Thành")	99,65%	99,65%	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...
2	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín ("Công ty An Tín")	99%	99%	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và cung ứng dịch vụ Logistics
3	Công ty An Thành Bicsol Singapore PTE LTD ("Công ty An Thành Singapore")	100%	100%	Số 3 đường Temasek, tầng 21 tòa Centennial, Singapore	Kinh doanh hạt nhựa

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") tuân thủ và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ báo cáo*

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và các công ty con là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN,S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 *Cơ sở hợp nhất* (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và các công ty con và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty và các công ty con sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán phát sinh từ việc áp dụng lần đầu Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99") và Thông tư số 43/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 43").

3.1.1 *Thay đổi chính sách kế toán do áp dụng quy định kế toán mới theo Thông tư 99*

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99, thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty và các công ty con áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 và có ảnh hưởng tới Công ty và các công ty con trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 99 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty và các công ty con cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 99, như được trình bày tại Thuyết minh số 32.

3.1.2 *Thay đổi chính sách kế toán do áp dụng quy định kế toán mới theo Thông tư 43*

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 43 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty và các công ty con áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 43 và có ảnh hưởng tới Công ty và các công ty con trên cơ sở phi hồi tố tùy vào khoản mục cụ thể theo hướng dẫn tại điều khoản thực hiện của Thông tư 43. Theo đó, Công ty và các công ty con cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 43 trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này như được trình bày tại Thuyết minh số 32.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con xác định số lượng và tính giá trị hàng tồn kho theo từng lần phát sinh. Giá trị hàng tồn kho đó được xác định như sau:

Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	- Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là khoản dự tính trước phần giá trị bị giảm xuống (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho và nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác bị giảm giá. Công ty và các công ty con thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn	*Mức trích lập dự phòng (% giá trị khoản phải thu)*
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70
Từ 3 năm trở lên	100

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình bao gồm những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản đó có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty và các công ty con.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên cho thuê

Đối với các trường hợp cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động, thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty và các công ty con.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình đối với quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	4 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
Tài sản cố định khác	3 - 30 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	49 năm

TSCĐ hữu hình được bắt đầu trích khấu hao ngay khi tài sản bắt đầu có khả năng sử dụng hữu ích. TSCĐ vô hình được bắt đầu trích khấu hao từ khi đưa vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn, chi phí thu xếp khoản vay,... được phân bổ dần theo thời hạn của khoản vay theo phương pháp đường thẳng.

3.11 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- Công cụ, dụng cụ;
- Trả trước thuê văn phòng;
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh lớn;
- Phí bảo hiểm; và
- Các chi phí khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Lê Việt vào năm 2018 trong thời hạn 37 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN,S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản và nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.13 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty và các công ty con. Thông thường, Công ty và các công ty con được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty và các công ty con không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Công ty sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty và các công ty con. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty và các công ty con trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn một phần hoặc toàn bộ giá trị của khoản đầu tư (bao gồm cả các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu có) bị suy giảm giá trị hoặc không thu hồi được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.14 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm khoản nợ phải trả của Công ty và công ty con cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết và các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ.

3.15 Các khoản chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá ghi sổ tùy theo nội dung và bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái tại ngày theo nguyên tắc sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và các công ty con VND được lựa chọn tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Trường hợp ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch không công bố tỷ giá của loại ngoại tệ mà Công ty và các công ty con phát sinh thì Công ty và các công ty con được lựa chọn một loại tiền tệ trung gian để quy đổi sang đơn vị tiền tệ trong kế toán của đơn vị nhưng phải áp dụng nhất quán

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tỷ giá ghi sổ

Tỷ giá ghi sổ bao gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Việc áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hay tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền tùy theo đặc điểm và yêu cầu quản lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Công ty và các công ty con.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của Công ty con và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty con thường xuyên có giao dịch tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán;
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ;
- Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá biên độ tỷ giá giao ngay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) thì được áp dụng tỷ giá bình quân;

Trường hợp ngân hàng thương mại nơi Công ty con thường xuyên có giao dịch không công bố tỷ giá của loại ngoại tệ mà Công ty con phát sinh thì Công ty con được lựa chọn một loại tiền tệ trung gian để quy đổi sang đồng tiền báo cáo của công ty mẹ nhưng phải áp dụng nhất quán theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam. Công ty và các công ty con phải trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính về căn cứ lựa chọn loại tiền tệ trung gian đó và cách thức quy đổi loại ngoại tệ phát sinh giao dịch sang đồng tiền báo cáo của công ty mẹ.

3.17 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh tương ứng với số cổ phiếu phát hành thành công. Phần chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ này được trích lập để dự phòng tăng vốn góp của chủ sở hữu trong tương lai.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Công ty và các công ty con ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính.

3.21 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

3.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty và các công ty con.

3.23 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN,S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.23 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.23 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.24 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty và các công ty con (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty và các công ty con (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.25 *Thông tin theo bộ phận*

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu được xác định dựa trên việc chế biến đá và các sản phẩm từ đá; kinh doanh hạt nhựa và cung cấp dịch vụ vận chuyển. Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và các công ty con dựa theo địa điểm của tài sản.

3.26 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.27 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng		
Tiền mặt	573.090.752	569.156.983
Tiền gửi ngân hàng	99.767.038.557	183.152.811.468
- *Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Hải Dương*	*15.167.266.175*	*38.017.616.603*
- *Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương*	*503.279.065*	*93.442.503.475*
- *Các ngân hàng khác*	*84.096.493.317*	*51.692.691.390*
Các khoản tương đương tiền (*)	112.649.506.849	15.000.000.000
- *Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Hải Dương*	*52.572.000.000*	-
- *Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hải Phòng*	*30.040.438.356*	-
- *Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Hải Dương*	*30.037.068.493*	-
- *Các ngân hàng khác*	-	*15.000.000.000*
TỔNG CỘNG	**212.989.636.158**	**198.721.968.451**

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại không quá 3 tháng với lãi suất từ 0% - 4,1%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 4,3%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ			*Số đầu kỳ (Trình bày lại)*		
	Giá gốc	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá trị dự phòng*	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá trị dự phòng*
Ngắn hạn						
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	17.500.000.000	17.500.000.000	-	-	-	-
- *Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Đống Đa*	*10.000.000.000*	*10.000.000.000*	-	-	-	-
- *Các ngân hàng khác*	*7.500.000.000*	*7.500.000.000*	-	-	-	-
Cho vay	67.891.845.000	65.000.000.000	(2.891.845.000)	102.879.030.000	100.000.000.000	(2.879.030.000)
- *Công ty Cổ phần Encapital Holdings (**)*	*40.000.000.000*	*40.000.000.000*	-	*100.000.000.000*	*100.000.000.000*	-
- *Phải thu về cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 27)*	*27.891.845.000*	*25.000.000.000*	*(2.891.845.000)*	*2.879.030.000*	-	*(2.879.030.000)*
Lãi phải thu cho vay, tiền gửi	722.547.972	377.945.206	(344.602.766)	786.500.341	443.424.657	(343.075.684)
- *Các bên khác*	*109.452.055*	*109.452.055*	-	*443.424.657*	*443.424.657*	-
- *Phải thu về lãi cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 27)*	*613.095.917*	*268.493.151*	*(344.602.766)*	*343.075.684*	-	*(343.075.684)*
TỔNG CỘNG	**86.114.392.972**	**82.877.945.206**	**(3.236.447.766)**	**103.665.530.341**	**100.443.424.657**	**(3.222.105.684)**
Dài hạn						
Cho vay *(Thuyết minh số 27)* (***)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-	-
Lãi phải thu cho vay, tiền gửi *(Thuyết minh số 27)*	37.260.274	37.260.274	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	**20.037.260.274**	**20.037.260.274**	**-**	**-**	**-**	**-**

(*) Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn 6 tháng hưởng lãi suất từ 7,5%/năm đến 8,5%/năm. Ngoài ra, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với giá trị 5 tỷ VND đang được dùng tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

(**) Đây là khoản cho vay tín chấp có kỳ hạn 1 tháng và hưởng lãi suất từ 6%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 6%/năm).

(***) Đây là các khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings vay tín chấp có kỳ hạn 18 tháng và hưởng lãi suất 8%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 *Phải thu ngắn hạn của khách hàng*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Giá trị ghi sổ	*Giá trị dự phòng*	*Giá trị ghi sổ*	*Giá trị dự phòng*
Phải thu từ các bên khác	781.652.314.045	(25.122.234.209)	428.474.570.055	(21.400.982.737)
Phải thu từ các bên liên quan *(Thuyết minh số 27)*	57.896.452.224	-	27.647.619.233	-
TỔNG CỘNG	**839.548.766.269**	**(25.122.234.209)**	**456.122.189.288**	**(21.400.982.737)**

6.2 *Trả trước cho người bán ngắn hạn*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Trả trước cho các bên khác		
- Công ty Cổ phần Hóa chất Lotte	*61.031.253.120*	*1.427.097.600*
- Công ty Cổ Phần Premier Outlet Việt Nam	*17.600.000.000*	*41.800.000.000*
- Công ty Mitsui & Co., Ltd.	*2.225.274.728*	*61.837.088.817*
- Trả trước cho người bán khác	*121.859.958.446*	*58.460.357.603*
Trả trước cho bên liên quan *(Thuyết minh số 27)*	78.885.000	5.193.692.833
TỔNG CỘNG	**202.795.371.294**	**168.718.236.853**
Trong đó:		
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn	*(606.179.810)*	*(1.384.340.367)*

7. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ (trình bày lại)*	
	Giá trị ghi sổ	*Giá trị dự phòng*	*Giá trị ghi sổ*	*Giá trị dự phòng*
Ngắn hạn				
Tạm ứng	2.914.654.876	-	1.972.335.927	-
Đặt cọc, ký quỹ	111.114.692	-	3.458.664.055	-
Phải thu khác	8.094.133.611	(484.278.880)	7.456.554.194	(482.132.833)
TỔNG CỘNG	**11.119.903.179**	**(484.278.880)**	**12.887.554.176**	**(482.132.833)**
Trong đó:				
Phải thu ngắn hạn khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 27)	*3.898.488.918*	*-*	*3.818.456.118*	*-*
Phải thu ngắn hạn khác từ bên khác	*7.221.414.261*	*(484.278.880)*	*9.069.098.058*	*(482.132.833)*

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

8. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Giá gốc	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*
Công ty Cổ phần Nhựa Xanh	7.336.923.344	-	7.336.923.344	2.201.077.003
Công ty TNHH Phúc Đại Hưng	8.338.103.600	-	8.338.103.600	-
Khác	14.244.840.725	470.727.004	14.620.433.218	1.604.821.538
TỔNG CỘNG	**29.919.867.669**	**470.727.004**	**30.295.460.162**	**3.805.898.541**

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Hàng mua đang đi đường	6.130.662.330	-	71.175.528.539	-
Nguyên liệu, vật liệu	122.643.185.703	-	95.161.416.752	-
Công cụ, dụng cụ	11.730.999.612	-	8.399.862.714	-
Thành phẩm	39.110.592.635	(1.166.625.296)	20.776.286.961	(1.065.478.684)
Hàng hoá	119.371.777.770	(498.353.855)	194.492.956.223	(1.977.584.715)
Hàng gửi đi bán	-	-	11.253.167.802	-
TỔNG CỘNG	**298.987.218.050**	**(1.664.979.151)**	**401.259.218.991**	**(3.043.063.399)**

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Số đầu kỳ	3.043.063.399	1.646.405.045
Dự phòng trích lập trong kỳ	1.460.971.631	1.114.391.163
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(2.839.055.879)	(1.012.389.278)
Số cuối kỳ	1.664.979.151	1.748.406.930

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc, thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tài sản cố định khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Số đầu kỳ	171.288.643.359	274.064.252.812	129.286.200.282	6.603.255.364	4.224.584.546	585.466.936.363
- Mua trong kỳ	-	4.883.000.000	11.607.392.636	-	-	16.490.392.636
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.795.636.363)	-	-	(2.795.636.363)
Số cuối kỳ	171.288.643.359	278.947.252.812	138.097.956.555	6.603.255.364	4.224.584.546	599.161.692.636
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*2.634.145.316*	*31.527.311.469*	*46.411.459.946*	*5.937.234.000*	*264.854.546*	*86.775.005.277*
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu kỳ	69.083.322.977	158.322.368.653	106.343.478.743	6.003.950.848	2.449.517.674	342.202.638.895
- Khấu hao trong kỳ	3.674.840.190	13.189.321.895	4.821.521.769	329.846.356	160.220.316	22.175.750.526
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.795.636.363)	-	-	(2.795.636.363)
Số cuối kỳ	72.758.163.167	171.511.690.548	108.369.364.149	6.333.797.204	2.609.737.990	361.582.753.058
Giá trị còn lại:						
Số đầu kỳ	102.205.320.382	115.741.884.159	22.942.721.539	599.304.516	1.775.066.872	243.264.297.468
Số cuối kỳ	98.530.480.192	107.435.562.264	29.728.592.406	269.458.160	1.614.846.556	237.578.939.578

Một số tài sản cố định với giá trị còn lại khoảng 37 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty và các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 19*.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Số đầu kỳ	15.926.986.836	2.399.908.000	18.326.894.836
Số cuối kỳ	15.926.986.836	2.399.908.000	18.326.894.836
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	*426.788.000*	*426.788.000*
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu kỳ	4.635.721.961	1.593.338.199	6.229.060.160
- Khấu hao trong kỳ	162.520.272	176.900.988	339.421.260
Số cuối kỳ	4.798.242.233	1.770.239.187	6.568.481.420
Giá trị còn lại:			
Số đầu kỳ	11.291.264.875	806.569.801	12.097.834.676
Số cuối kỳ	11.128.744.603	629.668.813	11.758.413.416

Chi tiết các TSCĐ vô hình đang hiện hữu:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ Nguyên giá	*Số đầu kỳ Nguyên giá*
TSCĐ vô hình đang hiện hữu		
Quyền sử dụng đất tại Yên Bái theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp	15.926.986.836	15.926.986.836
Các tài sản khác	2.399.908.000	2.399.908.000

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết này tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

Tên đơn vị	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*	*Địa chỉ*	*Ngành nghề*
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam ("Công ty Sunrise")	24,48%	48%	Lô CN 11+CN12, cụm CN An Đồng, Xã Nam Sách, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Sản xuất nhựa và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xăng dầu An Đông ("Công ty An Đông")	33,46%	33,8%	Lô B1, Khu Công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, Km47, Quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Kinh doanh xăng, dầu
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát ("Công ty PBAT")	39,83%	39,83%	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát ("Công ty APS")	49,01%	49,33%	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, KM47, Quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Dịch vụ ăn uống

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

Đơn vị tính: VND

	Công ty An Đông	*Công ty Sunrise*	*Công ty PBAT*	*Công ty APS*	*Tổng cộng*
Giá trị đầu tư:					
Số đầu kỳ	6.600.000.000	24.000.000.000	178.203.800.000	44.212.500.000	253.016.300.000
Số cuối kỳ	6.600.000.000	24.000.000.000	178.203.800.000	44.212.500.000	253.016.300.000
Phần lũy kế lợi nhuận kể từ thời điểm mua:					
Số đầu kỳ	-	10.785.976.613	(118.810.333.304)	5.163.167.982	(102.861.188.709)
- Phần lãi/(lỗ) từ công ty liên kết	-	11.581.512.687	(1.791.534.603)	1.550.477.535	11.340.455.619
- Cổ tức từ công ty liên kết	-	(4.800.000.000)	-	(2.960.000.000)	(7.760.000.000)
- Trích quỹ	-	(480.000.000)	-	-	(480.000.000)
- Chênh lệch tỷ giá	-	-	229.231.671	-	229.231.671
Số cuối kỳ	-	17.087.489.300	(120.372.636.236)	3.753.645.517	(99.531.501.419)
Giá trị còn lại:					
Số đầu kỳ	6.600.000.000	34.785.976.613	59.393.466.696	49.375.667.982	150.155.111.291
Số cuối kỳ	6.600.000.000	41.087.489.300	57.831.163.764	47.966.145.517	153.484.798.581

13. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỔ DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	11.506.843.475	8.577.844.399
Tiền thuê đất trả trước (*)	6.513.639.492	6.622.502.544
Các khoản khác	1.272.620.292	1.971.584.021
TỔNG CỘNG	**19.293.103.259**	**17.171.930.964**

(*) Quyền sử dụng đất được thế chấp cho khoản vay ngân hàng ngắn hạn của công ty và các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 19*.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Phải trả cho các bên khác	371.277.414.359	371.277.414.359	356.452.250.320	356.452.250.320
- *Công ty Cổ phần Mascom Global*	*42.302.584.002*	*42.302.584.002*	*4.009.522.140*	*4.009.522.140*
- *Công ty TNHH Chevron Phillips Chemicals Asia*	*4.943.802.600*	*4.943.802.600*	*103.927.085.535*	*103.927.085.535*
- *Công ty Hóa dầu Equate K.S.C.C*	*8.653.846.163*	*8.653.846.163*	*50.213.922.165*	*50.213.922.165*
- *Phải trả đối tượng khác*	*315.377.181.594*	*315.377.181.594*	*198.301.720.480*	*198.301.720.480*
Phải trả cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 27)*	16.472.061.617	16.472.061.617	9.958.268.288	9.958.268.288
TỔNG CỘNG	**387.749.475.976**	**387.749.475.976**	**366.410.518.608**	**366.410.518.608**

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Người mua trả tiền trước	86.529.670.457	74.586.235.826
Các bên liên quan trả tiền trước *(Thuyết minh số 27)*	-	20.429.849.728
TỔNG CỘNG	**86.529.670.457**	**95.016.085.554**

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu kỳ	*Số phải thu trong kỳ*	*Số đã thu/cấn trừ trong kỳ*	*Số cuối kỳ*
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	59.752.076.175	132.406.662.131	(124.768.676.250)	67.390.062.056
TỔNG CỘNG	**59.752.076.175**	**132.406.662.131**	**(124.768.676.250)**	**67.390.062.056**

	Số đầu kỳ	*Số phải nộp trong kỳ*	*Số đã nộp/cấn trừ trong kỳ*	*Số cuối kỳ*
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	462.621.764	105.502.048.702	(105.384.628.323)	580.042.143
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.279.586.791	40.069.125.427	(26.233.845.837)	35.114.866.381
Thuế thu nhập cá nhân	441.602.911	1.621.250.620	(1.524.040.110)	538.813.421
Thuế xuất/nhập khẩu	-	6.054.592.879	(6.054.592.879)	-
Các loại thuế, phí khác	32.150.933	244.097.455	(276.248.388)	-
TỔNG CỘNG	**22.215.962.399**	**153.491.115.083**	**(139.473.355.537)**	**36.233.721.945**

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Trích trước lương tháng 13	4.404.869.582	7.453.980.319
Chi phí lãi vay	511.213.379	465.890.155
Chi phí phải trả khác	-	129.486.600
TỔNG CỘNG	**4.916.082.961**	**8.049.357.074**

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ (trình bày lại)*
Phải trả bảo hiểm và kinh phí công đoàn	128.885.847	153.703.947
Phí xuất hàng	1.151.681.833	991.379.751
Phải trả ngắn hạn khác	1.680.743.081	1.906.242.243
TỔNG CỘNG	**2.961.310.761**	**3.051.325.941**

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

19. VAY

Đơn vị tính: VND

	Số đầu kỳ		*Số phát sinh trong kỳ*			*Số cuối kỳ*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 19.1)*	321.425.963.753	321.425.963.753	1.411.828.786.495	(1.298.288.876.492)	(620.456.938)	434.345.416.818	434.345.416.818
Vay dài hạn tới hạn trả *(Thuyết minh số 19.2)*	38.918.918.928	38.918.918.928	19.459.459.464	(19.459.459.464)	-	38.918.918.928	38.918.918.928
Vay bên liên quan *(Thuyết minh số 27)*	-	-	59.500.000.000	(59.500.000.000)	-	-	-
TỔNG CỘNG	**360.344.882.681**	**360.344.882.681**	**1.490.788.245.959**	**(1.377.248.335.956)**	**(620.456.938)**	**473.264.335.746**	**473.264.335.746**
Vay dài hạn							
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 19.2)*	33.475.675.656	33.475.675.656	600.000.000	(19.459.459.464)	-	14.616.216.192	14.616.216.192
TỔNG CỘNG	**33.475.675.656**	**33.475.675.656**	**600.000.000**	**(19.459.459.464)**	**-**	**14.616.216.192**	**14.616.216.192**

19. VAY (tiếp theo)

19.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	*Số cuối kỳ (VND)*	*Nguyên tệ (USD)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	104.714.462.054	3.983.659	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	68.800.079.370	-	(*)
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	63.292.830.843	2.407.673	(*)
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas	60.626.426.266	2.306.108	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	50.694.284.187	-	(*)
Vay ngân hàng khác bằng VND	71.768.905.644	-	(*)
Vay ngân hàng khác bằng USD	14.448.428.454	549.573	(*)
TỔNG CỘNG	**434.345.416.818**	**9.247.013**	

Gốc vay đáo hạn từ ngày 3 tháng 7 năm 2026 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026. Lãi vay được trả hàng tháng. Lãi suất từ 4,1% đến 9,2%/năm.

(*) Các tài sản sau được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn:

- Tài sản đảm bảo là máy móc, thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 51/2018/HĐĐB/NHCTKCNHD5 ngày 17 tháng 4 năm 2018;
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất kho Long An tại Khu Công nghiệp Xuyên Á, xã Đức Lập, tỉnh Tây Ninh (trước đây là Khu Công nghiệp Xuyên Á, huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An);
- Bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh;
- Hợp đồng tiền gửi với số tiền là 5.000.000.000 VND kỳ hạn 6 tháng của Công ty An Thành;
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát tại phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng;
- Thế chấp bằng phương tiện vận tải xe kéo đầu, rơ - móc của Công ty Cổ phần Liên vận An Tín; và
- Hợp đồng bảo lãnh của Công ty Cổ phần An Tiến Industries.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	*Số cuối kỳ (VND)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	53.535.135.120	(**)
TỔNG CỘNG	**53.535.135.120**	

Trong đó	
- Vay dài hạn đến hạn trả	*38.918.918.928*
- Vay dài hạn	*13.016.216.192*
- Chi phí đi vay	*1.600.000.000*

Gốc vay đáo hạn lần cuối vào 15 tháng 11 năm 2027. Lãi vay được trả hàng tháng. Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 1 tháng + biên độ 3,825%/năm.

(**) Các tài sản sau được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn nêu trên:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật Cao An Phát, một công ty con của cổ đông lớn, được quy định theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2093/2024/HĐTC ký ngày 07 tháng 11 năm 2024; và
- Bảo lãnh từ Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh, cổ đông lớn, với giá trị bảo lãnh là 87.600.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Chênh lệch tỷ giá*	*Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Lợi ích cổ đông không kiểm soát*	*Tổng cộng*
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025								
Số đầu kỳ	736.630.160.000	5.942.220.000	888.670.619	1.564.926.542	12.568.347.223	102.807.756.932	111.457.042.513	971.859.123.829
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	54.894.361.686	5.437.710.656	60.332.072.342
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.805.869.446)	(13.591.197)	(1.819.460.643)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(22.098.904.800)	(240.000.000)	(22.338.904.800)
- Thay đổi do tăng tỷ lệ sở hữu ở công ty con	-	-	-	-	-	9.187.392.026	(114.663.552.026)	(105.476.160.000)
- Chênh lệch tỷ giá	-	-	(457.775.163)	-	-	-	-	(457.775.163)
Số cuối kỳ	736.630.160.000	5.942.220.000	430.895.456	1.564.926.542	12.568.347.223	142.984.736.398	1.977.609.946	902.098.895.565
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026								
Số đầu kỳ	736.630.160.000	5.942.220.000	1.392.219.368	1.564.926.542	12.568.347.223	138.823.079.310	2.147.569.932	899.068.522.375
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	239.176.301.527	542.643.140	239.718.944.667
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác phục vụ công tác điều hành (*)	-	-	-	-	-	(8.851.421.392)	(37.896.728)	(8.889.318.120)
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(22.098.904.800)	(60.000.000)	(22.158.904.800)
- Chênh lệch tỷ giá	-	-	2.553.456.974	-	-	-	-	2.553.456.974
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(478.343.789)	(1.656.211)	(480.000.000)
Số cuối kỳ	736.630.160.000	5.942.220.000	3.945.676.342	1.564.926.542	12.568.347.223	346.570.710.856	2.590.660.133	1.109.812.701.096

(*) Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2025, trích quỹ khác phục vụ công tác điều hành và quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết số 110502/2026/NQ - ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ và theo Nghị quyết số 230401/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2026 của Công ty An Tín.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 *Cổ phiếu*

	Số lượng	
	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Cổ phiếu đăng ký phát hành	**73.663.016**	**73.663.016**
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	**73.663.016**	**73.663.016**
Cổ phiếu phổ thông	73.663.016	73.663.016
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	**73.663.016**	**73.663.016**
Cổ phiếu phổ thông	73.663.016	73.663.016
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 10.000 VND/cổ phiếu).

20.3 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận*

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	736.630.160.000	736.630.160.000
Số cuối kỳ	736.630.160.000	736.630.160.000

20.4 *Cổ tức*

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Cổ tức đã công bố trong kỳ		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2025: 300 VND/cổ phiếu (2024: 300 VND/cổ phiếu)	*22.098.904.800*	*22.098.904.800*
Cổ tức, lợi nhuận đã trả trong kỳ		
Cổ tức trả bằng tiền	*22.238.355.275*	*22.133.025.455*

20.5 *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Số đầu kỳ	6.006.954.432	9.044.966.885
Trích lập trong kỳ *(Thuyết minh số 20.1)*	8.889.318.120	1.819.460.643
Sử dụng trong kỳ	(4.417.054.008)	(2.466.445.081)
Số cuối kỳ	10.479.218.544	8.397.982.447

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

21. DOANH THU

21.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Tổng doanh thu	**6.256.246.943.748**	**4.034.227.313.429**
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	5.224.188.368.770	3.409.544.401.292
Doanh thu bán thành phẩm	787.069.028.055	448.787.693.342
Doanh thu cung cấp dịch vụ	244.989.546.923	175.895.218.795
Các khoản giảm trừ doanh thu	**(914.813.409)**	**(2.319.608.892)**
Giảm giá bán hàng	(12.618.965)	(182.813.150)
Hàng bán bị trả lại	(902.194.444)	(2.136.795.742)
Doanh thu thuần	**6.255.332.130.339**	**4.031.907.704.537**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	*5.900.373.255.666*	*3.835.280.395.958*
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 27)	*354.958.874.673*	*196.627.308.579*

21.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Lãi tiền gửi, cho vay	4.883.231.761	3.712.827.694
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.871.841.474	15.775.790.430
TỔNG CỘNG	**12.755.073.235**	**19.488.618.124**

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Giá vốn bán hàng hóa	4.753.742.013.182	3.244.659.957.914
Giá vốn bán thành phẩm	585.999.865.295	345.385.652.274
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	227.486.277.639	163.669.598.913
(Hoàn nhập)/trích lập giảm giá hàng tồn kho	(1.378.084.248)	102.001.885
TỔNG CỘNG	**5.565.850.071.868**	**3.753.817.210.986**

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước (Trình bày lại)*
Chi phí đi vay	19.178.887.867	15.220.784.964
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.715.371.148	1.494.401.886
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	729.000.000
Chi phí tài chính khác	-	764.220.000
TỔNG CỘNG	**20.894.259.015**	**18.208.406.850**

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	12.947.971.731	8.875.697.415
Chi phí dịch vụ mua ngoài	344.740.103.313	169.683.384.690
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.558.088.222	1.556.239.014
Chi phí bán hàng khác	11.588.343.976	3.854.630.240
TỔNG CỘNG	**370.834.507.242**	**183.969.951.359**
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	17.514.097.096	13.714.317.881
Thuế phí, lệ phí	8.391.984.788	7.970.225.983
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.915.377.507	6.968.439.153
Chi phí khấu hao và hao mòn TSCĐ	1.357.303.866	1.331.649.420
Chi phí quản lý khác	6.015.038.442	8.664.768.339
TỔNG CỘNG	**43.193.801.699**	**38.649.400.776**

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	529.223.587.014	305.081.529.408
Chi phí nhân công	74.288.136.857	57.723.101.510
Chi phí khấu hao tài sản cố định và tiền thuê đất trả tiền một lần	22.624.034.838	21.026.985.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	570.859.926.149	332.566.906.981
Chi phí khác	37.701.051.501	20.663.713.313
TỔNG CỘNG	**1.234.696.736.359**	**737.062.236.422**

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% lợi nhuận chịu thuế, ngoài trừ:

Công ty An Thành Bicsol Singapore PTE LTD

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty An Thành Bicsol Singapore PTE LTD là 17% theo luật thuế TNDN của Singapore.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	40.069.125.427	4.189.319.606
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	5.684.368	381.630.264
TỔNG CỘNG	**40.074.809.795**	**4.570.949.870**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	279.793.754.462	64.903.022.212
Thuế TNDN theo các mức thuế suất áp dụng cho Công ty và các công ty con	60.960.986.657	8.966.497.648
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	*45.754.423.813*	*7.291.755.315*
Thuế TNDN theo thuế suất 17%	*15.206.562.844*	*1.674.742.333*
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm):		
Chi phí dự phòng không đủ điều kiện khấu trừ thuế	428.937.434	502.923.118
Các chi phí không được khấu trừ thuế	274.938.797	164.698.998
Các khoản điều chỉnh khác	(691.883.509)	459.723.753
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(126.679.245)	98.356.557
Thuế TNDN được miễn, giảm	(468.256.381)	(342.351.020)
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	(4.987.057.237)	(476.986.350)
Lỗ năm trước chuyển sang	(12.581.861.089)	(3.129.231.242)
Điều chỉnh hợp nhất	(2.734.315.632)	(1.672.681.592)
Chi phí thuế TNDN	**40.074.809.795**	**4.570.949.870**

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

26.3 *Thuế thu nhập hoãn lại*

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ*	
	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận cho lợi nhuận chưa thực hiện	2.407.044.835	2.412.729.203	(5.684.368)	(381.630.264)
	2.407.044.835	**2.412.729.203**		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			***(5.684.368)***	***(381.630.264)***

26.4 *Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước*

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty và các công ty con có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 0 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 62.909.305.444 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế (*)*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 30/06/2026*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/06/2026*
2022	2027	200.669.133.664	(200.669.133.664)	-	-
TỔNG CỘNG		**200.669.133.664**	**(200.669.133.664)**	**-**	**-**

(*) Lỗ tính thuế của Công ty và các công ty con kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 đã được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN,S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.5 *Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định*

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	*Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh (*)*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 30/06/2026*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 30/06/2026*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 30/06/2026*
2022	2027	24.155.397.946	(24.155.397.946)	-	-
2023	2028	5.335.429.031	(5.335.429.031)	-	-
TỔNG CỘNG		**29.490.826.977**	**(29.490.826.977)**	**-**	**-**

(*) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN của Công ty và các công ty con đã được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty và các công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ còn lại trị giá 0 VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 23.151.801.189 VND) do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch trọng yếu với Công ty và các công ty con trong năm tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty An Phat International, INC.	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty AFC EcoPlastics. LLC	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty TNHH phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư - VIEXIM	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	Công ty liên kết của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	Công ty liên kết của công ty con
Công ty An Đông	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường	Công ty con của Cổ đông lớn

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'07'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch trọng yếu với Công ty và các công ty con trong năm tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty TNHH An Trung Industries	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt với Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát	Công ty liên kết
Công ty CP Khu CN Lương Điền Ngọc Liên	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Ankor Bioplastics., Ltd.	Công ty con của Cổ đông lớn

Những giao dịch trọng yếu khác của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Cổ đông lớn	Mua hàng và dịch vụ	88.901.444.248	197.891.684.758
		Doanh thu bán hàng và dịch vụ	230.281.942.181	148.653.736.993
		Mua tài sản cố định	-	6.559.000.000
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	198.032.201.125	141.557.645.501
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	100.784.721.489	144.410.849.104
		Mua cổ phần	-	105.476.160.000
		Trả cổ tức	9.966.617.400	9.966.617.400
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ của Cổ đông lớn	Mua hàng và dịch vụ	2.671.212.221	2.025.000.000
		Lãi cho vay	37.260.274	-
		Tiền chi cho vay	20.000.000.000	-
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	2.863.212.221	2.025.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Công ty con của Cổ đông lớn	Doanh thu bán hàng	12.016.612.261	6.307.099.000
		Mua hàng và dịch vụ	102.600.000	162.201.110
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.958.688.285	9.100.670.840
		Mua tài sản	-	80.000.000
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	110.808.000	257.132.200
Công ty TNHH An Trung Industries	Công ty con của Cổ đông lớn	Doanh thu bán hàng	10.282.675.617	2.650.629.915
		Tiền chi trả gốc vay	50.000.000.000	-
		Thu hồi về từ đi vay	50.000.000.000	-
		Tiền lãi vay đã trả	469.863.014	-
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.376.159.075	1.416.634.088

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu khác của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	Công ty liên kết của công ty con	Doanh thu bán hàng	4.849.441.609	1.463.107.893
		Mua hàng và dịch vụ	11.261.605.326	10.308.234.090
		Nhận gốc vay	-	15.000.000.000
		Tiền chi trả gốc vay	-	15.000.000.000
		Lãi vay phải trả	-	87.945.205
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.501.156.627	1.559.292.298
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	12.722.559.750	18.176.152.500
		Cổ tức đã nhận	4.800.000.000	-
		Cổ tức được chia	4.800.000.000	4.800.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	Công ty con của Cổ đông lớn	Doanh thu bán hàng	-	89.054.000
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	52.822.800
Công ty An Phat International, INC.	Công ty con của Cổ đông lớn	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	13.940.027.277	1.322.203.996
		Mua hàng và dịch vụ	15.237.511.086	44.981.885.134
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.842.958.886	56.062.800
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	1.895.282.400	41.203.032.637
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường	Công ty con của Cổ đông lớn	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	18.491.412.719	6.759.469.107
		Mua hàng và dịch vụ	33.369.394	-
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.172.492.328	13.892.549.879
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	19.015.259	-

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu khác của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh	Công ty con của Cổ đông lớn	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	41.748.416.171	12.605.473.064
		Mua hàng và dịch vụ	5.385.689.726	1.258.821.255
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.542.040.950	13.909.733.801
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	5.816.544.900	497.939.400
		Tiền đi vay nhận được	7.500.000.000	-
		Tiền trả gốc vay	7.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt với Cổ đông lớn	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	81.679.481	50.930.852
		Mua hàng và dịch vụ	-	3.248.316.863
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	103.346.044	-
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	Công ty liên kết của Cổ đông lớn	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	1.908.184.700	22.263.750
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	727.339.476	24.044.850
Công ty AFC ECoPlastic. LLC	Công ty con của Cổ đông lớn	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	18.794.821.717	16.703.340.009
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.584.406.285	14.483.636.384
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ	282.736.120	176.891.000
		Doanh thu bán hàng và dịch vụ	87.593.400	-
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	91.441.054	-
		Cổ tức đã nhận	2.960.000.000	-
		Cổ tức được chia	2.960.000.000	-
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	301.339.440	223.915.320
Công ty TNHH phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư - VIEXIM	Công ty con của Cổ đông lớn	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	2.476.067.540	-
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	2.512.993.238	-

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu khác của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Công ty CP Khu CN Lương Điền Ngọc Liên	Công ty con của cổ đông lớn	Cho vay	25.000.000.000	-
		Lãi cho vay	268.493.151	-
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát	Công ty con của Cổ đông lớn	Tiền đi vay nhận được	2.000.000.000	-
		Tiền trả gốc vay	2.000.000.000	-
Ngô Văn Thụ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Tạm ứng	-	100.000.000
		Thu hồi tạm ứng	-	100.000.000
Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt của cổ đông lớn	Tạm ứng	370.000.000	1.366.000.000
		Thu hồi tạm ứng	370.000.000	990.161.093
Dương Huy Bình	Người phụ trách quản trị Công ty	Chi tạm ứng	-	18.000.000
		Thu hồi tạm ứng	-	28.000.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty và các công ty con mua và bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản cho vay có lãi suất, số dư các khoản phải thu, phải trả đối với bên liên quan của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 không cần bảo đảm, không chịu lãi và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty và các công ty con đã trích lập 3.315.332.766 VND dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các liên quan đến bên liên quan còn nợ Công ty và các công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 4.237.339.684 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty và các công ty con có số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối kỳ*	*Số đầu kỳ*
***Phải thu ngắn hạn của khách hàng** (Thuyết minh số 6.1)*				
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Cổ đông lớn	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.095.029.572	7.403.079.329
Công ty An Phat International, INC	Công ty con của Cổ đông lớn	Bán hàng	9.657.215.789	4.518.977.454
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường	Công ty con của Cổ đông lớn	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.515.935.177	1.934.101.181
Công ty AFC EcoPlastics. LLC	Công ty con của Cổ đông lớn	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.002.313.190	5.781.089.749
Công ty TNHH An Trung Industries	Công ty con của Cổ đông lớn	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.570.458.444	1.249.994.007
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh	Công ty con của Cổ đông lớn	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	935.222.546	5.005.489.889
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	Công ty liên kết của Cổ đông lớn	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.333.500.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Công ty con của Cổ đông lớn	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.196.600.150	981.554.149
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	Công ty liên kết của công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	440.615.896	757.337.270
Công ty TNHH phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư - VIEXIM	Công ty con của Cổ đông lớn	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	148.373.460	-
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt với Cổ đông lớn	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	864.000	15.996.205
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn công nghiệp An Phát	Công ty liên kết	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	324.000	-
TỔNG CỘNG			**57.896.452.224**	**27.647.619.233**

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty và các công ty con có số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối kỳ*	*Số đầu kỳ*
Trả trước cho người bán ngắn hạn *(Thuyết minh số 6.2)*				
Công ty Ankor Bioplastics., Ltd	Công ty con của Cổ đông lớn	Trả trước cho người bán	78.885.000	1.015.234.000
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt với Cổ đông lớn	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	-	4.178.458.833
TỔNG CỘNG			**78.885.000**	**5.193.692.833**
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn *(Thuyết minh số 5)*				
Công ty Ankor Bioplastics., Ltd (*)	Công ty con của Cổ đông lớn	Cho vay ngắn hạn	2.891.845.000	2.879.030.000
		Lãi vay phải thu	344.602.766	343.075.684
Công ty CP Khu CN Lương Điền Ngọc Liên (**)	Công ty con của Cổ đông lớn	Cho vay ngắn hạn	25.000.000.000	-
		Lãi vay phải thu	268.493.151	-
TỔNG CỘNG			**28.504.940.917**	**3.222.105.684**

(*) Đây là khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, kỳ hạn gốc 12 tháng, hưởng lãi suất 7%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 28 tháng 7 năm 2026.

(**) Đây là khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, kỳ hạn gốc 6 tháng, hưởng lãi suất 8%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 10 tháng 11 năm 2026.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn *(Thuyết minh số 5)*				
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ của Cổ đông lớn	Cho vay ngắn hạn	20.000.000.000	-
		Lãi vay phải thu	37.260.274	-
TỔNG CỘNG			**20.037.260.274**	**-**

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty và các công ty con có số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối kỳ*	*Số đầu kỳ*
***Phải thu ngắn hạn khác** (Thuyết minh số 7)*				
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Cổ đông lớn	Phải thu từ chi hộ	2.433.081.646	2.798.118.266
Công ty TNHH An Trung Industries	Công ty con của Cổ đông lớn	Phải thu từ chi hộ	579.030.577	162.099.100
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường	Công ty con của Cổ đông lớn	Phải thu từ chi hộ	513.506.567	534.853.760
Công ty cổ phần nhựa bao bì An Vinh	Công ty con của Cổ đông lớn	Phải thu từ chi hộ	252.279.537	132.689.240
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Tổng Hợp Sunrise Việt Nam	Công ty liên kết của công ty con	Phải thu từ chi hộ	112.695.591	177.051.010
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Công ty con của Cổ đông lớn	Phải thu từ chi hộ	7.895.000	13.619.820
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt với Cổ đông lớn	Phải thu từ chi hộ	-	24.922
TỔNG CỘNG			**3.898.488.918**	**3.818.456.118**

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty và các công ty con có số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối kỳ*	*Số đầu kỳ*
Phải trả người bán ngắn hạn *(Thuyết minh số 14)*				
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Cổ đông lớn	Mua hàng hóa, tài sản và dịch vụ	335.281.129	6.640.604.208
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	Công ty liên kết của công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	801.060.000	1.361.086.000
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây Dựng Công nghệ cao An Cường	Công ty con của Cổ đông lớn	Mua hàng hóa	17.032.387	-
Công ty An Phat International, INC.	Công ty con của Cổ đông lớn	Mua hàng hóa	15.264.168.621	1.903.364.320
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ	54.519.480	53.213.760
TỔNG CỘNG			**16.472.061.617**	**9.958.268.288**
Người mua trả tiền trước ngắn hạn *(Thuyết minh số 15)*				
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Cổ đông lớn	Mua hàng hóa	-	20.429.849.728
TỔNG CỘNG			**-**	**20.429.849.728**

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

Họ và tên	*Chức vụ*	*Thu nhập*	
		Kỳ này	*Kỳ trước*
Ông Ngô Văn Thụ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	787.953.846	546.592.307
Ông Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Đinh Trọng Đức	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	-	20.000.000
Ông Hoàng Văn Vinh	Thành viên HĐQT	273.518.461	144.297.116
TỔNG CỘNG		**1.121.472.307**	**770.889.423**

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát	42.000.000	42.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ báo và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty và các công ty con sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước (Trình bày lại)*
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	239.176.301.528	54.894.361.686
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(8.851.421.392)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**239.176.301.528**	**46.042.940.294**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	73.663.016	73.663.016
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	**73.663.016**	**73.663.016**
Lãi trên cổ phiếu		
- *Lãi cơ bản*	*3.247*	*625*
- *Lãi suy giảm*	*3.247*	*625*

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn này để phản ánh khoản thực trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2025 theo Nghị quyết số 110502/2026/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ ngày 11 tháng 5 năm 2026 và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 230401/2026/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty con ngày ngày 23 tháng 04 năm 2026.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào trong kỳ và cho đến đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này có thể có ảnh hưởng suy giảm lãi trên mỗi cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết về cho thuê hoạt động

Công ty và các công ty con hiện đang cho thuê kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Đến 1 năm	3.152.820.000	3.713.820.000
Từ 1 - 5 năm	2.591.820.000	2.591.820.000
TỔNG CỘNG	**5.744.640.000**	**6.305.640.000**

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty và các công ty con thuê đất, nhà máy và phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty và các công ty con theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Đến 1 năm	6.915.875.444	6.577.741.962
Từ 1 - 5 năm	3.361.151.990	5.747.346.196
Trên 5 năm	2.582.910.113	2.628.224.325
TỔNG CỘNG	**12.859.937.547**	**14.953.312.483**

30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	3.925.143,26	5.010.054,77
Đô Sing (SGD)	7.854,57	20.462,00
Euro (EUR)	38.384,89	64.865,21
Rúp Nga (RUB)	1.140.133,44	1.357.517,42

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty và các công ty con lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con bị tác động bởi những khác biệt về địa điểm theo địa điểm tài sản của Công ty và các công ty con. Các hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được tổ chức và quản lý theo địa điểm kinh doanh của Công ty và các công ty con.

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo thứ yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty cũng bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Công ty và các công ty con theo dõi hoạt động một cách riêng biệt cho từng bộ phận cho mục đích ra quyết định phân bổ nguồn lực và đánh giá kết quả hoạt động. Kết quả hoạt động của từng bộ phận được đánh giá dựa trên lãi lỗ và được xác định một cách nhất quán với lãi lỗ của Công ty và các công ty con trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tuy nhiên, hoạt động tài chính của của Công ty và các công ty con (bao gồm chi phí tài chính và doanh thu tài chính) được theo dõi trên cơ sở tập trung và không phân bổ cho từng bộ phận.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

31.1 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và các công ty con như sau:

Đơn vị tính: VND

	Việt Nam	*Nước ngoài*	*Loại trừ*	*Tổng cộng*
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày				
Doanh thu thuần				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	*3.217.516.743.169*	*3.037.815.387.170*	-	*6.255.332.130.339*
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	*175.025.206.869*	*165.958.403.919*	*(340.983.610.788)*	-
Tổng doanh thu	3.392.541.950.038	3.203.773.791.089	(340.983.610.788)	6.255.332.130.339
Kết quả				
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	*194.972.812.192*	*91.787.955.496*	*33.437.462*	*286.794.205.150*
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)				*(7.000.450.687)*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	*(25.330.818.964)*	*(14.738.306.463)*	-	*(40.069.125.427)*
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-	*(5.684.368)*	-	*(5.684.368)*
Lợi nhuận thuần sau thuế				239.718.944.668
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	*1.927.236.757.084*	*451.168.387.853*	*(496.205.282.083)*	*1.882.199.862.854*
Tài sản không phân bổ (ii)				*257.916.858.921*
Tổng tài sản				2.140.116.721.775
Công nợ bộ phận	*761.901.008.782*	*340.904.046.821*	*(76.193.076.861)*	*1.026.611.978.742*
Công nợ không phân bổ (iii)				*3.692.041.936*
Tổng công nợ				1.030.304.020.678
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí hình thành tài sản cố định				
Tài sản cố định hữu hình	*16.490.392.636*	-	-	*16.490.392.636*
Khấu hao	22.515.171.786	-	-	22.515.171.786

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

31.1 Bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và các công ty con như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

	Việt Nam	*Nước ngoài*	*Loại trừ*	*Tổng cộng*
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày				
Doanh thu thuần				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	*2.726.715.858.693*	*1.305.191.845.844*	-	*4.031.907.704.537*
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	*87.451.023.622*	*139.880.072.159*	*(227.331.095.781)*	-
Tổng doanh thu	2.814.166.882.315	1.445.071.918.003	(227.331.095.781)	4.031.907.704.537
Kết quả				
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	*47.927.968.503*	*11.448.574.781*	*2.244.883.909*	*61.621.427.193*
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)				*3.281.595.019*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	*(2.856.928.293)*	*(1.332.391.313)*	-	*(4.189.319.606)*
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-	*(381.630.264)*	-	*(381.630.264)*
Lợi nhuận thuần sau thuế				60.332.072.342
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	*1.863.062.836.687*	*347.165.909.888*	*(401.046.276.128)*	*1.809.182.470.447*
Tài sản không phân bổ (ii)				*59.867.883.456*
Tổng tài sản				1.869.050.353.903
Công nợ bộ phận	*252.931.876.522*	*273.463.230.916*	*(65.064.628.724)*	*461.330.478.714*
Công nợ không phân bổ (iii)				*505.620.979.624*
Tổng công nợ				966.951.458.338
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí hình thành tài sản cố định				
Tài sản cố định hữu hình	*20.772.091.150*	-	-	*20.772.091.150*
Khấu hao	20.918.122.158	-	-	20.918.122.158

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

31.2 *Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Thông tin về doanh thu và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất và bán hạt nhựa	*Kinh doanh thương mại hạt nhựa*	*Dịch vụ vận chuyển và dịch vụ khác*	*Loại trừ*	*Tổng cộng*
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày					
Doanh thu thuần					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	*787.069.028.055*	*5.223.273.555.361*	*244.989.546.923*	*-*	*6.255.332.130.339*
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	*-*	*246.842.731.186*	*94.140.879.602*	*(340.983.610.788)*	*-*
Tổng doanh thu	787.069.028.055	5.470.116.286.547	339.130.426.525	(340.983.610.788)	6.255.332.130.339
Tài sản					
Tài sản bộ phận	*1.050.318.299.114*	*914.368.394.028*	*113.684.858.210*	*(496.205.282.084)*	*1.582.166.269.268*
Tài sản không phân bổ (iv)					*542.403.829.506*
Tổng tài sản					2.140.116.721.774
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày					
Doanh thu thuần					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	*448.787.693.342*	*3.407.230.506.900*	*175.889.504.295*	*-*	*4.031.907.704.537*
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	*-*	*160.165.339.724*	*67.165.756.057*	*(227.331.095.781)*	*-*
Tổng doanh thu	448.787.693.342	3.567.395.846.624	243.055.260.352	(227.331.095.781)	4.031.907.704.537
Tài sản					
Tài sản bộ phận	*983.209.008.798*	*849.319.988.494*	*91.323.278.807*	*(401.046.276.128)*	*1.522.805.999.971*
Tài sản không phân bổ (iv)					*346.244.353.932*
Tổng tài sản					1.869.050.353.903

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

(i) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, thu nhập khác và chi phí khác.

(ii) Tài sản không phân bổ bao gồm các khoản đầu tư tài chính dài hạn, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn, tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

(iii) Công nợ không phân bổ bao gồm vay ngắn hạn, vay dài hạn và lãi đi vay

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

(iv) Tài sản không phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu về cho vay và lãi cho vay, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn, phải thu ngắn hạn khác, dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi ,các khoản đầu tư tài chính dài hạn và tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

32. PHÂN LOẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG THEO HƯỚNG DẪN CỦA THÔNG TƯ 99

Một số dữ liệu tương ứng của báo cáo tài chính đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 do lần đầu áp dụng (Thuyết minh số 3.1) trong kỳ hiện tại. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số đầu kỳ (đã được trình bày trước đây)	*Trình bày lại*	*Số đầu kỳ (được trình bày lại)*
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT			
Phải thu ngắn hạn khác	13.674.054.517	(786.500.341)	12.887.554.176
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	103.665.530.341	103.665.530.341
Phải thu về cho vay	102.879.030.000	(102.879.030.000)	-
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	-	(3.222.105.684)	(3.222.105.684)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(26.489.561.621)	3.222.105.684	(23.267.455.937)
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận	-	251.724.345	251.724.345
Các khoản phải trả khác	3.303.050.286	(251.724.345)	3.051.325.941

	Kỳ trước (đã được trình bày trước đây)	*Trình bày lại*	*Kỳ trước (được trình bày lại)*
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ			
Chi phí đi vay	(14.620.784.964)	(600.000.000)	(15.220.784.964)

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Phê duyệt, ngày 27 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Nguyễn Thị Thu Nhàn	Nguyễn Thị Thu Nhàn	Ngô Văn Thụ

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2026 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:29:10+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0